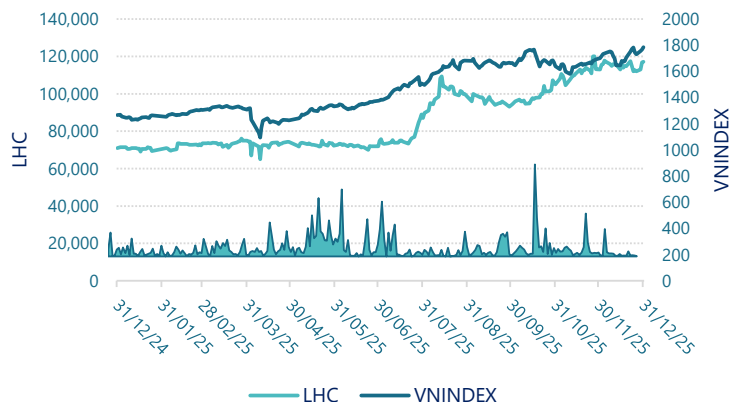




CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	117,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	120,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	65,000
SL cổ phiếu LH	14,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,140
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,688
P/E	11.2
EPS	10,423

DT thuần

Q4/25

463

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 139 | 42.8%

YoY: ▲ 47.0 | 11.2%

LN sau thuế

Q4/25

40.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.5 | 40.0%

YoY: ▼ 6.30 | -13.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

14.7%

+/- YoY: ▲ 2.2%

DT thuần

2025

1,528

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 323 | 26.8%

LN sau thuế

2025

173

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 56.0 | 48.0%

ROE

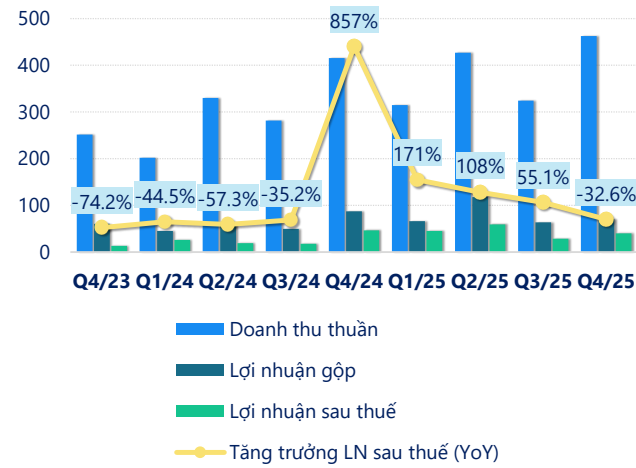
2025

19.1%

+/- YoY: ▲ 9.7%

tỷ VNĐ

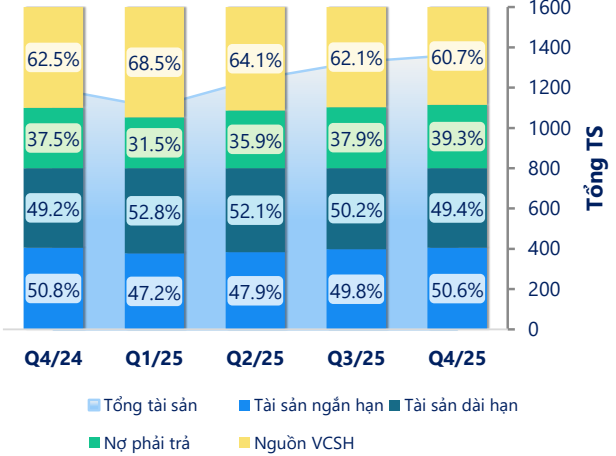
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

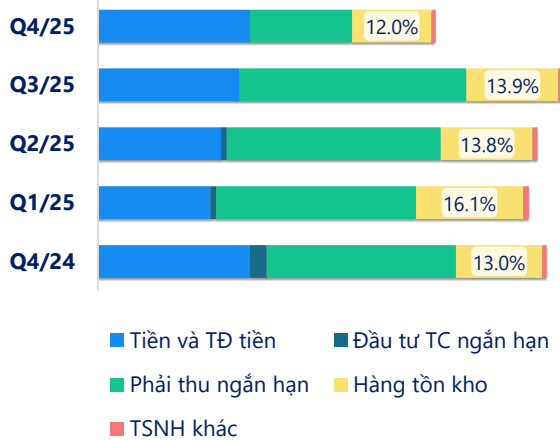
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



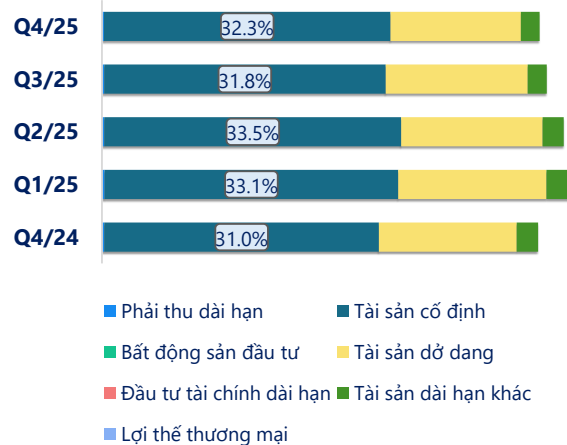
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

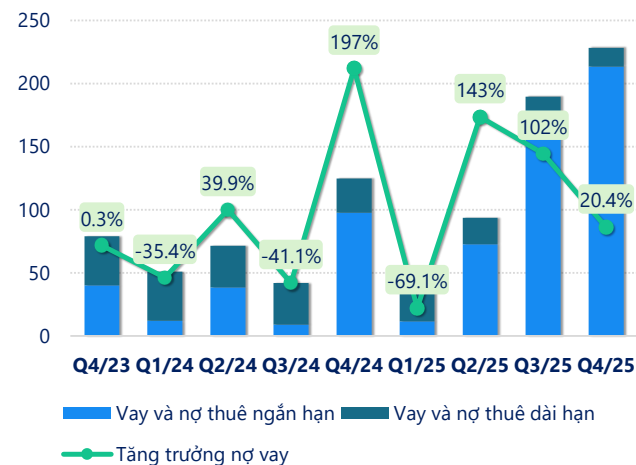
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

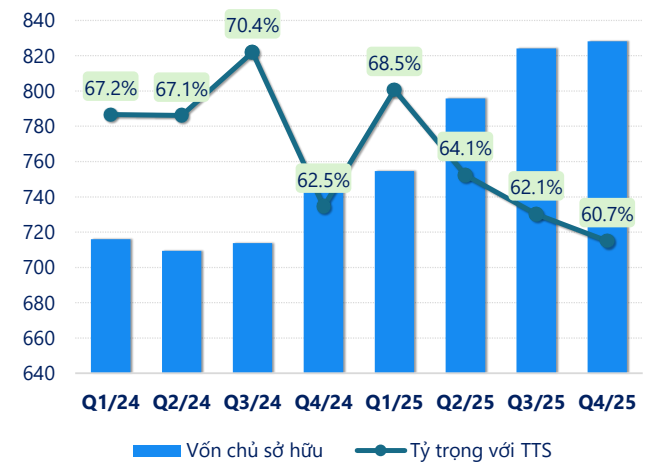
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

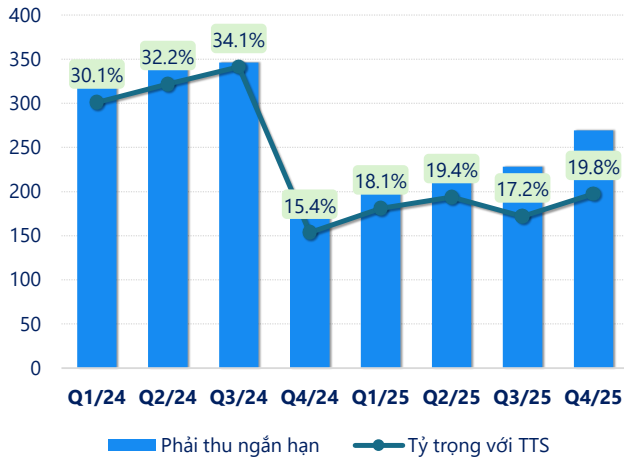
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

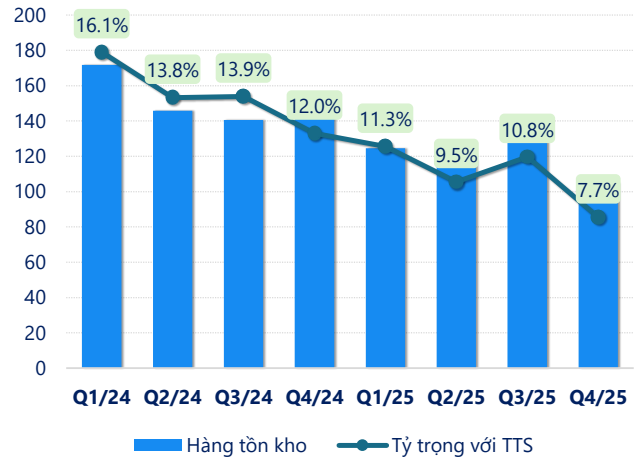
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

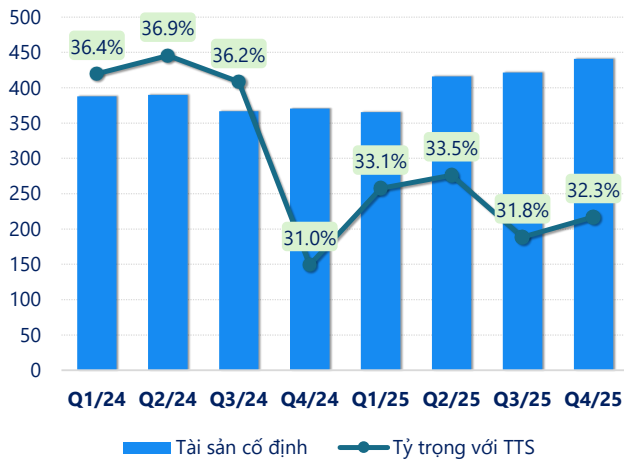
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

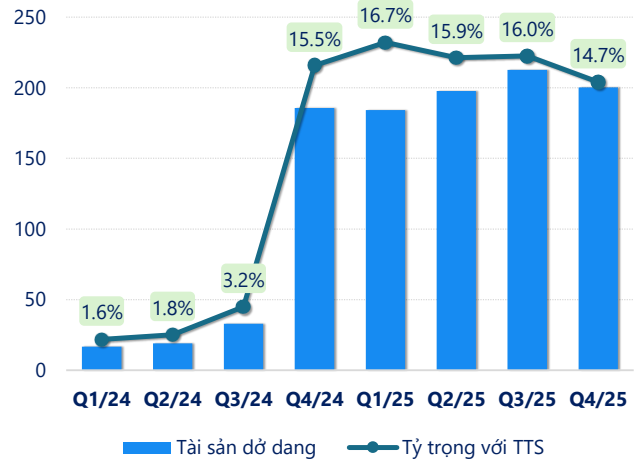
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

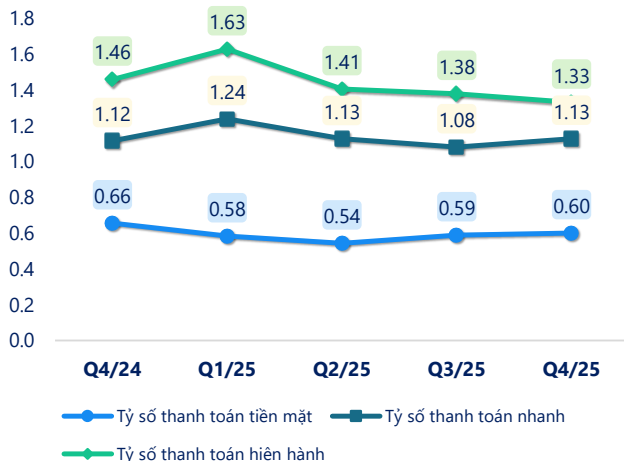
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



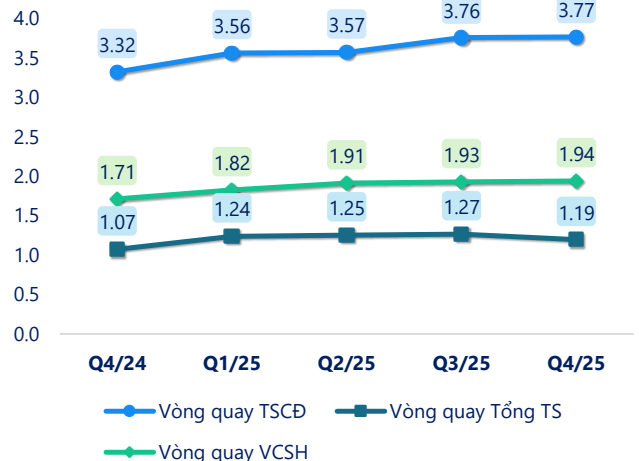
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,196	1,102	1,241	1,327	1,363
Tài sản ngắn hạn	607	520	594	661	690
Tiền và tương đương tiền	273	186	230	282	312
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	184	200	241	228	269
Hàng tồn kho	143	124	118	143	105
Tài sản ngắn hạn khác	7.55	9.64	6.14	7.46	4.49
Tài sản dài hạn	589	582	647	666	673
Phải thu dài hạn	3.20	3.21	3.21	3.21	3.02
Tài sản cố định	371	365	416	421	441
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	186	184	198	213	200
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	29.2	29.4	29.6	28.4	28.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	448	348	445	503	535
Nợ ngắn hạn	416	319	423	479	519
Vay và nợ thuê ngắn hạn	97.7	11.6	72.7	169	213
Phải trả người bán ngắn hạn	91.4	69.5	58.1	39.3	56.7
Nợ dài hạn	32.3	28.4	22.4	23.4	16.4
Vay và nợ thuê dài hạn	27.0	27.0	21.0	21.0	15.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	748	755	796	824	828
Vốn chủ sở hữu	748	755	796	824	828
Vốn điều lệ	144	144	144	144	144
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)